

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/DS-PT

Ngày: 26 - 11 - 2021

V/v: Tranh chấp quyền

về lối đi qua bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, về việc: Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST, ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 180/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966.

2/ Bà **Mai Thị M**, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C có: Bà Mai Cẩm H1, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long (giấy ủy quyền ngày 12/10/2016, có mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông **Trương Văn Đ1**, sinh năm 1948 (có mặt)

2/ Bà **Đặng Thị Đ2**, sinh năm 1951.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Đ2 có: Ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1948 (là bị đơn, giấy ủy quyền ngày 10/10/2016).

3/ Chị **Trương Thị Kim H2**, sinh năm 1976 (có mặt).

4/ Anh **Đặng Văn U**, sinh năm 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Văn U có: Chị Trương Thị Kim H2, sinh năm 1976 (là bị đơn, giấy ủy quyền ngày 10/10/2016).

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn X**, sinh năm 1926 (chết năm 2008).*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn X gồm:

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T có: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2021, có mặt).

2/ Ông Lê Thành N1, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3/ Bà Lê Thị Hồng N2, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Người kháng cáo Ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2016, ngày 19/9/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Mai Thị M và người đại diện của ông C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M được quyền sử dụng 02 thửa đất gồm thửa đất 410, tờ bản đồ số 3 (theo Vlap là thửa đất 35, tờ bản đồ số 1), diện tích 2.470m^2 và chiết thửa 28, tờ bản đồ số 3 (theo Vlap là thửa đất 9, tờ bản đồ số 1), diện tích $1.071,5\text{m}^2$, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Nguồn gốc thửa đất 410 là do ông C mua của ông Lê Văn X vào năm 1988, được Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/7/2003. Nguồn gốc thửa đất 28 gắn liền với căn nhà đang ở là do ông C mua của ông Lê Văn X sau năm 1988. Để đi từ nhà ông C thuộc thửa đất 28 vào phần đất vườn thuộc thửa đất 410 thì gia đình ông C phải đi ngang phần đất của ông Lê Văn X thuộc chiết thửa 28, diện tích $4.412,9\text{m}^2$, ông X vẫn cho gia đình ông C đi bình thường. Sau đó ông X bán phần đất này lại cho ông Trương Văn Đ1 thì gia đình ông C vẫn đi trên lối đi này, gia đình ông Đ1 không ngăn cản. Sau khi ông Đ1 giao phần đất này lại cho con gái là chị Trương Thị Kim H2 và con rể là anh Đặng Văn U quản lý thì đến tháng 8/2015 ông Đ1 không cho gia đình ông C đi ngang phần đất vườn của ông Đ1. Do không có lối đi nên từ tháng 8/2015 gia đình ông C phải đi nhờ qua đất của ông Nguyễn Tấn Khanh để vào phần đất vườn thuộc thửa đất 410.

Ngoài phần lối đi này thì gia đình ông C không còn lối đi thuận tiện nào khác và để đi để vào phần đất vườn thuộc thửa đất 410, gia đình ông C rất cần lối đi này để dự kiến đưa quan tài và vận chuyển vật tư làm mồ mã để xây dựng khu mộ của gia đình.

Nay ông C, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U phải cho gia đình ông C một lối đi qua đất của ông Đ1 thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa đất 17) theo vị trí lối đi cũ là từ nhà ông C thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 9) đi thẳng cặp theo con rạch có chiều ngang 2,5m, chiều dài khoảng 92m. Trường hợp ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U không đồng ý thì ông C và bà M xin mua một phần thửa đất 17 theo giá nhà nước quy định.

- Tại bản khai ý kiến ngày 29/9/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Văn Đ1 trình bày:

Vào năm 2007, ông Đ1 có mua của ông Lê Văn X phần đất diện tích 5.560m^2 thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa đất 17), tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Lúc bán đất thì ông X đã không cho gia đình ông C đi qua phần đất này để vào phần đất vườn của ông C thuộc thửa đất 410. Năm 2007 ông X giao đất cho ông quản lý, đến năm 2008 thì ông giao lại cho con gái là chị Trương Thị Kim H2 và con rể là anh Đặng

Văn U quản lý, sử dụng và canh tác, lúc này phía gia đình ông C vẫn đi trên lối đi cũ qua phần đất ông mua của ông X để vào thửa đất 410 mà không có hỏi ý kiến của ông nhưng ông không có ngăn cản. Đến ngày 24/7/2015 do cây trồng bị thất thoát nhiều làm mất thu nhập của gia đình nên ông đã rào vườn lại, do đó gia đình ông C không thể đi vào phần đất vườn của gia đình ông được.

Theo yêu cầu mở lối đi của ông C, bà M thì ông không đồng ý. Ông cũng không đồng ý bán cho ông C, bà M một phần đất thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 17) của ông theo giá nhà nước quy định.

Nay ông chỉ cho gia đình ông C một lối đi khác để vào phần đất vườn của ông C là đi qua phần đất của ông Mai Hoàng Vũ, đất của ông Phục để đến phần đất vườn của ông C, lối đi này có nhiều hộ sử dụng nhưng phía gia đình ông C không đồng ý.

- Bị đơn bà Đặng Thị Đ2 do ông Trương Văn Đ1 làm đại diện thống nhất với ý kiến của ông Đ1, không còn ý kiến nào khác.

- Bị đơn chị Trương Thị Kim H2 và chị H2 cũng là người đại diện của anh Đặng Văn U trình bày: Chị H2 thống nhất với trình bày của ông Đ1, chị H2 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà M và cũng không đồng ý bán một phần đất thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 17) của ông Đ1 cho ông C, bà M theo giá nhà nước quy định.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn X, bà Lê Thị T trình bày: Cha của bà là ông Lê Văn X khi còn sống có đứng tên quyền sử dụng 02 thửa đất nhưng bà không biết số thửa. Năm 2008 ông X chết, năm 2010 mẹ là bà Võ Thị M1 và em là Lê Thành N1 chuyển nhượng đất cho ông Trương Văn Đ1 nhưng không cho bà biết, đến khi ông Đ1 trả tiền thì bà mới biết. Ngày giao tiền bà M1 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ1 giữ. Sau đó ông Đ1 có xuống nhà đưa giấy tờ cho bà ký tên để sang tên đất cho ông Đ1 nhưng bà không đồng ý vì trước khi bán đất ông Đ1 có hứa là khi ký tên bán đất ông Đ1 sẽ cho bà số tiền để thờ cúng ông X nhưng ông Đ1 không đưa tiền. Ông Đ1 giao tiền cho Lê Thành N1. Trên phần đất bán cho ông Đ1 còn có phần đất mồ mã của ông bà hiện do bà sử dụng, bà yêu cầu ông Đ1 tháo dỡ hàng rào trả lại hiện trạng cũ để bà vào thăm mồ mã ông bà. Đối với hai người em là Lê Thành N1 và Lê Thị Hồng N2 bỏ đi từ năm 2010 đến nay nên bà không biết địa chỉ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã xử:

Căn cứ vào các Điều 100, 203 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M yêu cầu ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U mở lối đi ngang 2,5m dài 92m tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Trương Văn Đ1 đăng ký, kê khai theo chương trình Vlap.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M có trách nhiệm nộp 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu số 0006436 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Ông C, bà M còn phải nộp thêm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

3. Chi phí khảo sát, đo đạc: Ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án; về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, với nội dung: Buộc ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U phải cho gia đình ông C một lối đi qua đất của ông Đ1 thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa đất 17) theo vị trí lối đi cũ là từ nhà ông C thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 9) đi thẳng cặp theo con rạch đến hết chiều dài thửa đất 17, chiều ngang 2,5m. Trường hợp ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U không đồng ý thì ông C và bà M xin mua một phần thửa đất 17 theo giá nhà nước quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Mai Thị M và ông Nguyễn Văn C có bà Mai Cẩm H1 làm đại diện thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U cho gia đình ông C, bà M đi nhờ một lối đi qua đất của ông Đ1 thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa đất 17) theo vị trí lối đi cũ là từ nhà ông C thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 9) đi thẳng cặp theo con rạch đến hết chiều dài thửa đất 17, chiều ngang 2,5m cho đến khi có lối đi mới thì gia đình ông C trả lối đi nhờ này cho ông Đ1. Khi sử dụng lối đi ông

C, bà M sẽ rào lại để bảo vệ cây trái của ông Đ1 và bồi thường giá trị cây trồng trên lối đi cho ông Đ1 bằng tổng giá trị cây trồng trên phần đất ông Đ1 đồng ý cho đi. Khi trả lối đi ông C bà M tự tháo dỡ hàng rào.

Ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2 có ông Trương Văn Đ1 làm đại diện, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U có chị Trương Thị Kim H2 làm đại diện không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M.

Ông Trương Văn Đ1 và chị Trương Thị Kim H2 đồng ý cho ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M đi trên lối đi theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2020 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, nhưng phải trả tiền giá trị đất, giá trị cây trồng và hàng rào trên đất. Bà Mai Thị M và bà Mai Cẩm H1 không đồng ý, vì đi trên lối đi này còn phải bắt cầu qua kinh công cộng nhưng địa phương không cho bắt cầu nên không đi được.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Y đại diện cho bà Lê Thị T trình bày yêu cầu ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U mở cho gia đình ông C, bà M lối đi theo yêu cầu của ông C và bà M.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng và án phí phúc thẩm đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 10/3/2020, đến ngày 23/3/2020 ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông C và bà M còn trong hạn luật định và ông C và bà

M đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C do bà Mai Cẩm H1 làm đại diện cùng với bà Mai Thị M thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là chỉ yêu cầu ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U cho đi nhờ một lối đi qua đất của ông Đ1 thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa đất 17) theo vị trí lối đi cũ là từ nhà ông C thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 9) đi thẳng cặp theo con rạch đến hết chiều dài thửa đất 17, chiều ngang 2,5m cho đến khi có lối đi mới (đường tỉnh 907 mở) thì gia đình ông C trả lối đi nhờ này cho ông Đ1. Xét, việc ông C và bà M thay đổi yêu cầu kháng cáo là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên theo quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của ông C, bà M.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M yêu cầu ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U cho gia đình ông C, bà M đi nhờ một lối đi trên phần đất của ông Trương Văn Đ1 kê khai đăng ký thuộc thửa số 17, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo vị trí lối đi cũ là từ nhà ông C thuộc chiết thửa 28 (Vlap là thửa 9) đi thẳng cặp theo con rạch đến hết chiều dài thửa đất 17, chiều ngang 2,5m cho đến khi có lối đi mới thì gia đình ông C trả lối đi nhờ này cho ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M có hai thửa đất đó là thửa đất số 9 và thửa đất số 410. Để đi từ nhà ông C bà M thuộc thửa đất số 9 đến thửa đất số 410 thì gia đình ông C, bà M phải đi nhờ qua phần đất thuộc thửa số 17 của ông Trương Văn Đ1 kê khai đăng ký. Đây là lối đi mà ông C, bà M cho là thuận tiện nhất để đi vào sử dụng thửa đất số 410 của ông, bà. Năm 2015 ông Đ1 rào vườn lại nên ông C, bà M không có lối đi vào canh tác vườn thuộc thửa số 410 của ông, bà nên ông C bà M khởi kiện yêu cầu ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U mở cho gia đình ông C, bà M lối đi vào thửa đất 410.

Ông Trương Văn Đ1 cho rằng năm 2007 ông chuyển nhượng của ông Lê Văn X phần đất thuộc chiết thửa đất số 28 nay là thửa đất số 17. Khi ông nhận chuyển nhượng đất của ông X thì ông X không cho ông C, bà M đi nhờ để vào thửa đất số 410. Sau khi ông Đ1 chuyển nhượng đất thì ông giao lại cho con gái là chị Trương Thị Kim H2 và con rể là Đặng Văn U sử dụng. Lúc này gia đình ông C có đi nhờ trên đất của ông để đi vào thửa đất số 410 của ông C, bà M nhưng ông không ngăn cản. Năm 2015 do vườn ông bị mất trái cây nhiều, mất thu nhập của gia đình nên ông rào lại để giữ vườn, nên ông C, bà M không còn

đi trên đất của ông để vào thửa đất 410 của ông C, bà M được. Nên ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông C và bà M.

Xét việc ông C, bà M yêu cầu ông Đ1, bà Đ2, chị H2 và anh U cho gia đình ông C, bà M đi nhờ một lối đi qua phần đất thuộc thửa số 17 của ông Đ1 kê khai đăng ký, lối đi có vị trí từ nhà ông C, bà M thuộc thửa số 9 đi thẳng ra thửa số 410 của ông C, bà M, có chiều ngang 2,5m, chiều dài hết chiều dài thửa đất số 17 cặp con rạch là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ ông Trương Văn Đ1 có hai thửa đất là thửa số 17 và thửa số 41 liên kề nhau, phần lối đi mà ông C, bà M yêu cầu ông Đ1 cho đi nhờ là trên thửa đất số 17 liền kề thửa số 41 của ông Đ1, tách đất ông Đ1 ra làm hai phần, nếu mở cho ông C, bà M lối đi này thì ông Đ1 không quản lý đất của ông Đ1 được, gây cho ông Đ1 nhiều thiệt hại. Mặt khác tại cấp phúc thẩm ông Đ1 và chị H2 có tạo điều kiện cho gia đình ông C, bà M lối đi mới theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long nhưng ông C, bà M phải trả giá trị đất, cây trồng và hàng rào nhưng ông C, bà M cho rằng không thuận tiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và ông C do H1 làm đại diện cho rằng nếu đi trên lối đi mà ông Đ1 và chị H2 cho đi thì phải bắt cầu qua kinh công cộng, việc bắt cầu địa phương không cho, nên không đồng ý đi trên lối đi mà ông Đ1, chị H2 cho đi. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 03/11/2021 với Ủy Ban nhân dân xã T thì Ủy Ban nhân dân xã T cho bắt cầu qua kinh công cộng nhưng phải đảm bảo việc sử dụng nước của các hộ dân và an toàn giao thông. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và bà H1 đại diện cho ông C không đồng ý đi trên lối đi thuộc trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2020 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí đo đạc và định giá tại cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Mai thị M nộp 3.388.000đ. Bà Mai Thị M nộp 6.000.000đ tiền tạm ứng chi phí đo đạc và định giá tài sản. Số tiền này được trừ vào tiền chi phí đo đạc và định giá tài sản, còn lại 2.612.000đ hoàn trả cho bà M và đã hoàn trả xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về chi phí đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 100, 203 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 3, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M yêu cầu ông Trương Văn Đ1, bà Đặng Thị Đ2, chị Trương Thị Kim H2 và anh Đặng Văn U mở lối đi ngang 2,5m dài 92m tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Trương Văn Đ1 đăng ký, kê khai theo chương trình Vlap.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0008055 và 0008056 ngày 24/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Ông C và bà M không phải nộp thêm tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí đo đạc và định giá tại cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M nộp 3.388.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc và định giá tài sản, ông Nguyễn Văn C và bà Mai Thị M đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về chi phí đo đạc, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ HCTP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐẶNG VĂN LỘC